

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/KDTM-PT

Ngày 25-9-2021

V/v tranh chấp về Hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Bà Lương Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2021/KDTM-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại PĐ (viết tắt Công ty PĐ); địa chỉ trụ sở: Thôn XU, xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, cư trú tại: Thôn XU, xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên NT (viết tắt Công ty NT); địa chỉ trụ sở: Số 103 - 105 đường NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội. Chi nhánh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên NT, địa chỉ trụ sở: Số 280 đường LT, phường ĐQB, quận NQ, thành phố Hải Phòng;

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Văn Ng, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty NT tại Hải Phòng (theo Công văn số 50/NTr-Vp ngày 20/9/2021 của Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty); có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh Hà, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là Công ty PD trình bày:

Năm 2017, Công ty PD có ký với Công ty NT các hợp đồng: Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/HĐXD ngày 04/01/2017; Gói thầu: Cải tạo Nhà hàng TL; Hạng mục: Phá dỡ hiện trạng, sửa chữa cải tạo kiến trúc tầng 1, 2, 3 và hệ thống cấp điện - cấp thoát nước; Địa điểm: Số 280 đường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 4.521.268.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2017/HĐXD ngày 12/01/2017; Gói thầu: Cải tạo Nhà hàng TL; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa kết cấu tầng 1, 2, 3; làm mới tầng 4; lắp đặt thang máy - tời và hệ thống ánh sáng; Địa điểm: Số 280 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 2.804.741.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/2017/HĐXD ngày 14/02/2017; Gói thầu: Hệ thống thoát nước mặt Xí nghiệp đóng tàu; Địa điểm: Cụm dân cư số 1, TH, LH, KA, Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 215.727.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 04/2017/HĐXD ngày 19/4/2017; Gói thầu: Sửa chữa trụ sở làm việc 03 tầng tại Nhà máy đóng tàu; Địa điểm: Cụm dân cư số 1, TH, LH, KA, Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 773.571.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐXD ngày 20/4/2017; Gói thầu: Đường triền hạ thủy tàu; Địa điểm: Cụm dân cư số 1, TH, phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 2.896.625.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 06/2017/HĐXD ngày 29/4/2017; Gói thầu: Cải tạo, nâng cấp khu vực xưởng sản xuất biển số xe; Địa điểm: Tổ 6, PL, đường MĐD, phường HĐ, quận DK, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 1.169.875.000 đồng.

Thực hiện xong công việc theo thỏa thuận trong các hợp đồng trên, hai bên đã tiến hành lập các hồ sơ quyết toán công trình và ký xác nhận quyết toán tổng giá trị các hợp đồng đã thực hiện là 12.470.489.000 đồng. Sau khi đối trừ đi số tiền 8.900.000.000 đồng Công ty PD đã tạm ứng trong quá trình thực hiện các hợp đồng, Công ty NT còn phải thanh toán cho Công ty PD số tiền 3.570.489.000 đồng. Hai bên đã tiến hành lập và ký các biên bản thanh lý hợp đồng tương ứng với từng hợp đồng đã ký. Công ty PD đã xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng cho

Công ty NT theo đúng quy định, tuy nhiên đến nay Công ty NT chưa thanh toán cho Công ty PD số tiền 3.570.489.000 đồng mặc dù Công ty PD đã nhiều lần có công văn đòi nợ. Vì vậy Công ty PD đề nghị Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng giải quyết:

- Buộc Công ty NT phải trả cho Công ty PD số tiền 3.570.489.000 đồng.
- Buộc Công ty NT phải trả cho Công ty PD số tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 26/6/2017 là ngày Công ty PD xuất hóa đơn giá trị gia tăng cuối cùng theo thỏa thuận trong hợp đồng thi công xây dựng công trình, tạm tính đến ngày 26/6/2020 trên tổng số tiền còn chưa thanh toán.

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất được xác định bằng 50% của 20%/năm của khoản tiền chưa thanh toán, cụ thể mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam để áp dụng là 10% của năm. Như vậy, tiền lãi chậm trả trên nợ gốc chưa trả tạm tính đến ngày 26/6/2020 là: $(3.570.489.000 \text{ đồng} \times 14\%) : 365 \text{ ngày} \times 1095 \text{ ngày} = 1.499.606.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi trên gốc, Công ty NT phải trả cho Công ty PD tạm tính đến ngày 26/6/2020 là: $3.570.489.000 \text{ đồng} + 1.499.606.000 \text{ đồng} = 5.070.095.000 \text{ đồng}$. Ngoài ra Công ty NT còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 27/6/2020 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty NT phải trả cho Công ty PD số tiền nợ gốc là 3.570.489.000 đồng và xin thay đổi yêu cầu tính lãi đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi là 10%/năm tính từ ngày quyền lợi của Công ty PD bị xâm hại là ngày 26/6/2017 đến ngày xét xử 16/7/2021, Công ty PD yêu cầu được làm tròn thời gian là 4 năm làm căn cứ cho Hội đồng xét xử để tính lãi đối với Công ty NT.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trần Văn Nguyễn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty PD yêu cầu Công ty NT phải thanh toán tiền các hạng mục công trình đã được ký kết hợp đồng giữa Công ty NT và Công ty PD với số tiền gốc là 3.570.489.000 đồng và tiền lãi: 1.499.606.000 đồng; tổng cộng là 5.070.095.000 đồng.

Năm 2017, Tổng giám đốc kiêm giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV NT - Xí nghiệp đóng tàu đã ký 06 hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại PD; cụ thể: Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/HĐXD ngày 04/01/2017; Gói thầu: Cải tạo Nhà hàng TL; Hạng mục: Phá dỡ hiện trạng, sửa chữa cải tạo kiến trúc tầng 1, 2, 3 và hệ thống cấp điện - cấp thoát nước; Địa điểm: Số 280 đường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 4.521.268.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2017/HĐXD ngày 12/01/2017; Gói thầu: Cải tạo Nhà hàng TL; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa kết cấu tầng 1, 2, 3; làm mới tầng 4; lắp đặt thang máy - tời và hệ thống ánh sáng; Địa điểm: Số 280 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải

Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 2.804.741.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/2017/HĐXD ngày 14/02/2017; Gói thầu: Hệ thống thoát nước mặt Xí nghiệp đóng tàu; Địa điểm: Cụm dân cư số 1, TH, LH, KA, Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 215.727.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 04/2017/HĐXD ngày 19/4/2017; Gói thầu: Sửa chữa trụ sở làm việc 03 tầng tại Nhà máy đóng tàu; Địa điểm: Cụm dân cư số 1, TH, LH, KA, Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 773.571.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐXD ngày 20/4/2017; Gói thầu: Đường triển hạ thủy tàu; Địa điểm: Cụm dân cư số 1, TH, phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 2.896.625.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 06/2017/HĐXD ngày 29/4/2017; Gói thầu: Cải tạo, nâng cấp khu vực xưởng sản xuất biển số xe; Địa điểm: Tổ 6, PL, đường MĐD, phường HĐ, quận DK, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 1.169.875.000 đồng.

Sau khi thi công xong, hai bên đã tiến hành **lập các hồ sơ quyết toán công trình và ký xác nhận quyết toán** tổng giá trị các hợp đồng đã thực hiện là: 12.470.489.000 đồng. Đối trừ đi số tiền 8.900.000.000 đồng cho Công ty PD đã nhận tạm ứng. Công ty NT còn phải thanh toán cho Công ty PD số tiền 3.570.489.000 đồng.

Công ty NT đã nhiều lần tổ chức cuộc họp để giải quyết làm căn cứ thanh toán tiền cho Công ty PD. Do Công ty NT là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, mọi hạch toán thu chi phải theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp Nhà nước. Đối chiếu với các quy định hiện hành thì các hạng mục phía Công ty PD đã ký kết và thực hiện với Công ty NT **chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục quy định trong quá trình nghiệm thu và lập quyết toán các hạng mục công trình xây dựng** để có căn cứ cho Công ty NT thanh toán công nợ cho Công ty PD.

Vì vậy, để có cơ sở thanh toán cho Công ty PD theo đúng quy định hiện hành, ngày 06/12/2018 Công ty NT đã thuê đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (trụ sở tại số 8 Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) thực hiện công tác kiểm toán và bóc tách các hạng mục mà Công ty PD đã xây dựng. Từ kết quả của các đơn vị kiểm toán độc lập, Công ty NT và Công ty PD sẽ hoàn thiện các giấy tờ và các thủ tục còn thiếu các các hạng mục xây dựng nêu trên. Trên cơ sở đó sẽ thanh toán toàn bộ Công nợ với Công ty PD.

Theo kết quả kiểm toán độc lập của Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt: Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/HĐXD ngày 04/01/2017; Gói thầu: Cải tạo Nhà hàng TL; Hạng mục: Phá dỡ hiện trạng, sửa chữa cải tạo kiến trúc tầng 1, 2, 3 và hệ thống cấp điện - cấp thoát nước; Địa điểm: Số 280 đường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 4.521.268.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2017/HĐXD ngày 12/01/2017; Gói thầu: Cải tạo Nhà hàng TL; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa kết cấu tầng 1, 2, 3; làm mới tầng 4; lắp đặt thang máy - tời và hệ thống ánh sáng; Địa điểm: Số 280 đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị

hợp đồng: 2.804.741.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/2017/HĐXD ngày 14/02/2017; Gói thầu: Hệ thống thoát nước mặt Xí nghiệp đóng tàu; Địa điểm: Cụm dân cư số 1, TH, LH, KA, Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 215.827.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 04/2017/HĐXD ngày 19/4/2017; Gói thầu: Sửa chữa trụ sở làm việc 03 tầng tại Nhà máy đóng tàu; Địa điểm: Cụm dân cư số 1, TH, LH, KA, Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 862.253.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐXD ngày 20/4/2017; Gói thầu: Đường triển hạ thủy tàu; Địa điểm: Cụm dân cư số 1, TH, phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 2.896.625.000 đồng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 06/2017/HĐXD ngày 29/4/2017; Gói thầu: Cải tạo, nâng cấp khu vực xưởng sản xuất biển số xe; Địa điểm: Tổ 6, PL, đường MĐD, phường HĐ, quận DK, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng: 1.055.892.000 đồng.

Tổng 06 hợp đồng sau khi được kiểm toán có giá trị là 12.356.506.000 đồng. Số tiền chênh lệch so với hồ sơ quyết toán là 113.983.000 đồng và thể hiện chênh lệch về khối lượng tại Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 06/2017/HĐXD ngày 29/4/2017; Gói thầu: Cải tạo, nâng cấp khu vực xưởng sản xuất biển số xe.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2021/KDTM-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng đã: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b, g khoản 1 Điều 40, Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 385, 513, 542, 549 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 112, 113, 138, 139, 140, 144, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 303, 306 Luật Thương mại năm 2005; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty PD: Buộc Công ty NT phải trả cho Công ty PD số tiền là 4.839.108.400 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.456.506.000 đồng; tiền lãi là 1.382.602.400 đồng.

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2021, Tòa án nhân dân quận NQ đã nhận được Đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên NT đề ngày 26/7/2021. Theo đó, việc kháng cáo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên NT trong hạn luật định và được xem xét, giải quyết. Nội dung kháng cáo của bị đơn: Xem xét lại về tranh chấp hợp đồng xây dựng liên quan đến khoản lãi mà bản án sơ thẩm số 06/2021/KDTM-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 tuyên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên NT phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại PD.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Thứ nhất, về giá trị các công trình thi công: Trong năm 2017, Công ty PD và Công ty NT đã ký kết 06 hợp đồng thi công xây dựng công trình (viết tắt là: Hợp đồng), các hợp đồng đều không ghi số, ngày, tháng, chỉ ghi “năm 2017” và ghi giá trị hợp đồng, gói thầu và những hạng mục công trình thi công. Khi làm đơn khởi kiện Công ty NT ra Tòa án, Công ty PD đã tự đặt bổ sung dữ liệu: số, ngày, tháng của các Hợp đồng thi công xây dựng công trình, cụ thể: Hợp đồng số 01 ngày 04/01/2017, gói thầu: Cải tạo Nhà hàng TL (Số 280 đường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng), Hạng mục: Phá dỡ hiện trạng, sửa chữa cải tạo kiến trúc tầng 1, 2, 3 và hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, giá trị hợp đồng là 4.521.268.000 đồng. Hợp đồng số 02 ngày 12/01/2017, gói thầu: Cải tạo Nhà hàng TL. Hạng mục Cải tạo, sửa chữa kết cấu tầng: 1, 2, 3, làm mới tầng 4; lắp đặt thang máy - tời và hệ thống ánh sáng, giá trị hợp đồng là 2.804.741.000 đồng. Hợp đồng số 03 ngày 14/02/2017, gói thầu: Hệ thống thoát nước mặt Xí nghiệp đóng tàu (Cụm dân cư số 1, TH, Lâm Hà, KA, Hải Phòng), giá trị hợp đồng là 215.727.000 đồng. Hợp đồng số 04 ngày 19/4/2017, gói thầu: Sửa chữa trụ sở làm việc 03 tầng tại Nhà máy đóng tàu (Cụm dân cư số 1, TH, Lâm Hà, KA, Hải Phòng), giá trị hợp đồng là 773.571.000 đồng. Hợp đồng số 05 ngày 20/4/2017, gói thầu: Đường triển hạ thủy tàu (Cụm dân cư số 1, TH, phường Lâm Hà, quận KA, Hải Phòng), giá trị hợp đồng là 2.896.625.000 đồng. Hợp đồng số 06 ngày 29/4/2017, gói thầu: Cải tạo, nâng cấp khu vực xưởng sản xuất biến số xe (Tổ 6, PL, đường MDD, phường HĐ, quận DK, Hải Phòng), giá trị hợp đồng là 1.169.875.000 đồng.

Công ty PD trình bày: Đã xuất hóa đơn cho hợp đồng 01 chung với hợp đồng 02 ghi ngày 02/6/2017; hợp đồng 03 ghi ngày 26/6/2017, hợp đồng 04 ghi ngày 12/6/2017, hợp đồng 05 ghi ngày 05/6/2017, hợp đồng 06 ghi ngày 10/6/2017 với tổng giá trị là 12.470.489.000 (do hai bên đã ký xác nhận biên bản thanh lý hợp đồng, bản tổng hợp quyết toán chi phí xây dựng công trình). Quá trình thực hiện các hợp đồng Công ty NT đã thanh toán, tạm ứng 8.900.000.000 đồng, còn lại giá trị chưa thanh toán theo hóa đơn đã xuất là 3.570.000.000 đồng. Do hồ sơ thanh toán chi phí đầu tư xây dựng công trình có vốn đầu tư của Nhà nước có phần thiếu

hụt chưa đầy đủ theo quy định (thiếu hồ sơ nghiệm thu, nhật ký thi công, quyết toán chưa ký...) nên Công ty NT đã ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, kết quả: Các công trình do Công ty PD thi công được xác định có tổng giá trị là 12.356.606.000 đồng (giảm 113.983.000 so với yêu cầu của Công ty PD).

Xét về hình thức các hợp đồng không thể hiện ngày tháng năm ký kết, tuy nhiên tại quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các bên đều thừa nhận các nội dung đã thỏa thuận tại 06 hợp đồng theo như lời trình bày của nguyên đơn nên các hợp đồng đã ký có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc Công ty NT phải trả 3.456.506.000 đồng cho Công ty Phủ Đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên thống nhất với khoản tiền này, không có ý kiến thắc mắc gì.

Thứ hai, về nội dung kháng cáo của bị đơn về nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thanh toán. Bị đơn cho rằng việc thanh toán chưa thực hiện được là do lỗi của Công ty PD là có phần có căn cứ, bởi lẽ:

- Hợp đồng thi công xây dựng các công trình, tại Điều 7 về thanh toán hợp đồng có nội dung: *...Nếu chủ đầu tư thanh toán chậm thì bên nhà thầu sẽ tính lãi bắt đầu từ ngày xuất hóa đơn theo tỷ lệ của Ngân hàng; thời hạn thanh toán theo Điều 18 Nghị định 48/2010; Hồ sơ thanh toán: có biên bản nghiệm thu, có xác nhận của đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và đại diện nhà thầu; bảng xác định khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán theo hợp đồng kể cả phần phát sinh (nếu có) được xác nhận của đại diện chủ đầu tư, đại diện nhà thầu và tư vấn giám sát và các tài liệu khác có liên quan...* Ngoài ra, các hợp đồng nêu trên có nội dung căn cứ các quyết định về phê duyệt hồ sơ thiết kế...; Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu; biên bản về việc thương thảo thực hiện hợp đồng... đều để trống không ghi số, ngày, tháng (chỉ ghi năm 2017). Mục thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng (ngày khởi công, hoàn thành, bàn giao công trình) và các tài liệu liên quan khác như biên bản thanh lý hợp đồng, bản tổng hợp quyết toán chi phí xây dựng công trình có xác nhận của hai bên cũng để trống không ghi ngày, tháng (chỉ ghi năm 2017).

- Trong giai đoạn sơ thẩm, Công ty PD không cung cấp được hợp đồng và bản tổng hợp quyết toán chi phí xây dựng công trình Hệ thống thoát nước mặt Xí nghiệp đóng tàu “hợp đồng số 03” đã xuất Hóa đơn ngày 26/6/2017; Tài liệu cung cấp là bản in từ ảnh chụp các Hóa đơn giá trị gia tăng chưa đủ căn cứ để xác định yêu cầu trả khoản tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 26/6/2017 là có căn cứ.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Công ty PD đã xuất trình bản gốc các Hóa đơn để đối chiếu, xác nhận tính xác thực của tài liệu là bản in từ ảnh chụp đã giao nộp cho Tòa án trong giai đoạn sơ thẩm và trình bày: không thể cung cấp được tài liệu là hợp đồng “số 03” và bản tổng hợp quyết toán chi phí xây dựng công trình gói thầu: Hệ thống thoát nước mặt Xí nghiệp đóng tàu vì đã bị thất lạc.

Phía bị đơn là Công ty NT đã phối hợp cung cấp bổ sung hợp đồng “số 03” và bản tổng hợp quyết toán chi phí xây dựng công trình để có đủ căn cứ xem xét giải quyết vụ án.

- Theo như thỏa thuận tại mục 13.2 và 13.3 Điều 13 của Hợp đồng thì: Chủ đầu tư phải... *bố trí nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng*, Nhà thầu phải... *ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng...*

Tại Công văn 2611.02.03 ngày 26/11/2020 của Công ty Kiểm toán Nhân Tâm Việt về bổ sung hồ sơ của Hợp đồng “06”, gói thầu Thi công cải tạo, nâng cấp khu vực xưởng sản xuất biển số xe, thể hiện:..Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình chưa có xác nhận của bên Tư vấn giám sát; chưa có nhật ký thi công từ ngày 29/5/2017 đến ngày 7/6/2017 nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; chưa có chứng chỉ chất lượng vật tư thiết bị vật liệu đưa vào công trình sử dụng...; Đơn giá trên hợp đồng, phụ lục hợp đồng và quyết toán có mâu thuẫn. Tại công văn 2611.02.05 ngày 26/11/2020 của Công ty Kiểm toán Nhân Tâm Việt về bổ sung hồ sơ của Hợp đồng “01”, gói thầu thi công phá dỡ, cải tạo Nhà hàng TL, thể hiện cần: Bổ sung chứng chỉ chất lượng vật liệu đưa vào sử dụng trong công trình; Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, quyết toán các bên chưa ký...

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy, việc ký kết các hợp đồng thi công xây dựng, các bản tổng hợp quyết toán, biên bản thanh lý và cả việc xuất hóa đơn có phần chưa đảm bảo tính xác thực và có căn cứ, chưa đúng theo quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận tại hợp đồng về tính lãi “... *bắt đầu từ ngày xuất hóa đơn theo tỷ lệ của Ngân hàng*” có phần không phù hợp, mâu thuẫn với thỏa thuận về thời hạn thanh toán theo Điều 18 Nghị định 48/2010 (tại mục 7.3 của Hợp đồng), bởi theo quy định tại khoản 10 Điều 18 Nghị định 48/2010/NĐ-CP thì: Thời hạn thanh toán do các bên thỏa thuận nhưng không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, về thời điểm tính phát sinh nghĩa vụ thanh toán không bắt đầu từ khi nhà thầu phát hành hóa đơn GTGT mà phát sinh sau 14 ngày kể từ khi Công ty NT nhận đủ hồ sơ thanh toán.

Tài liệu bút lục 07 và 08 là công văn ngày 27/4/2020 và 05/5/2020 của Công ty PD đề nghị Công ty NT thanh toán công nợ (lần 2 và 3), thể hiện: Công ty PD đã đề nghị thanh toán lần 1 tại công văn ngày 20/4/2020. Các công văn đề nghị thanh toán công nợ không có nội dung yêu cầu trả lãi, không nêu cụ thể số tiền công nợ còn phải trả.

Do cả hai bên đương sự đều có lỗi, có thiếu sót trong việc ký kết, thực hiện, thanh toán và quyết toán hợp đồng. Việc tính lãi từ ngày xuất hóa đơn 26/7/2017 là có phần không có căn cứ. Kiểm sát viên xét thấy có thể xem xét tính lãi đối với khoản giá trị công trình chưa được thanh toán (theo kết quả kiểm toán) là 3.456.506.000 đồng, bắt đầu kể từ khi Công ty PD làm đơn khởi kiện đòi nợ (phát

sinh tranh chấp) là ngày 21/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/7/2021, làm tròn là 01 năm theo mức lãi suất 10%, kết quả tính ra khoản lãi là 345.650.600 đồng.

Vì các lẽ trên, Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án số 06/2021/KDTM ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân quận NQ, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Một thành viên NT phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại PĐ số tiền là 3.802.156.600 đồng. Trong đó số tiền gốc là 3.456.506.000 đồng, tiền lãi là 345.650.600 đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty NT phải chịu 108.043.132 đồng án phí, tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; Công ty PĐ phải chịu 47.985.840 đồng án phí (tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận 1.196.528.000 đồng (3.750.489.000 đồng x 10% x 4 năm - 345.650.600 đồng + 113.983.000 đồng).

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo là Công ty NT không phải nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng xây dựng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

- Xét kháng cáo của bị đơn:

[2] Về số tiền nợ gốc: Giữa Công ty PĐ và Công ty NT có ký 06 Hợp đồng xây dựng. Mặc dù các Hợp đồng xây dựng do Công ty PĐ cung cấp đều không thể hiện số hợp đồng, ngày, tháng ký kết nhưng các bên đương sự đều thừa nhận việc ký và thực hiện hợp đồng, các điều khoản trong Hợp đồng do Công ty PĐ cung cấp đều phù hợp với các điều khoản hai bên đã thỏa thuận và giao kết, Công ty NT không có ý kiến gì về nội dung các Hợp đồng này. Mặt khác, quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty PĐ đã thực hiện xong các hạng mục theo Hợp đồng đã ký kết và bàn giao cho Công ty NT. Sau khi bàn giao và quyết toán công trình, các bên đã ký xác nhận quyết toán tổng giá trị các hợp đồng đã thực hiện là 12.470.489.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền tạm ứng là 8.900.000 đồng, số tiền Công ty NT còn phải thanh toán cho Công ty PĐ theo quyết toán là 3.570.489.000 đồng. Tuy nhiên,

theo kết quả kiểm toán đối với 06 Hợp đồng xây dựng, tổng giá trị là 12.356.606.000 đồng; giảm 113.983.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định số tiền nợ gốc của 06 Hợp đồng theo kết quả kiểm toán là 12.356.606.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, không có ý kiến gì về số tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời điểm tính lãi: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi kể từ ngày Công ty PD xuất hóa đơn giá trị gia tăng là không phù hợp, bởi lẽ: Theo thỏa thuận tại Điều 7 của các Hợp đồng xây dựng về thời hạn thanh toán được quy định theo Điều 18 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng. Sau khi hai bên đã quyết toán và tiến hành thanh lý hợp đồng, Công ty PD đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty NT, thời điểm xuất hóa đơn cuối cùng là 26/6/2017. Tuy nhiên, theo Nghị định số 48/2010/NĐ-CP thì thời hạn thanh toán do các bên thỏa thuận nhưng không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Theo các tài liệu do đương sự cung cấp thể hiện, hồ sơ thanh toán, ngoài hóa đơn giá trị gia tăng có thể hiện ngày, tháng, năm thì các văn bản khác đều không thể hiện ngày, tháng. Theo yêu cầu của Công ty kiểm toán, Công ty PD cũng không cung cấp được đầy đủ các hồ sơ để thực hiện việc kiểm toán. Do đó, thời điểm thanh toán trong hợp đồng có sự mâu thuẫn với thời điểm tính lãi nên theo quy định của pháp luật, tiền lãi chậm thanh toán phát sinh sau 14 ngày kể từ ngày Công ty NT nhận đủ hồ sơ thanh toán. Mặt khác, kể từ thời điểm Công ty PD cho rằng Công ty NT chậm thanh toán, đến ngày 20/4/2020, Công ty PD mới có công văn đôn đốc, đề nghị thanh toán công nợ. Theo tài liệu Công ty PD cung cấp về việc đôn đốc nợ là các Công văn đề nghị thanh toán công nợ lần 2, lần 3 đều không thể hiện yêu cầu tính lãi chậm trả. Từ năm 2017 đến năm 2020, Công ty PD cũng không có văn bản đôn đốc, yêu cầu Công ty NT phải thanh toán và phải chịu tiền lãi chậm thanh toán. Đến ngày 21/7/2020, Công ty PD mới có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty NT phải thanh toán nợ gốc và mới phát sinh yêu cầu Công ty NT phải chịu lãi chậm trả. Do đó, cần xác định thời điểm Công ty NT có yêu cầu thanh toán lãi chậm trả là thời điểm bắt đầu tính lãi (ngày 21/7/2020 là ngày có đơn khởi kiện). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/7/2021), thời gian tính lãi chậm trả là 11 tháng 25 ngày (làm tròn thành 1 năm).

[4] Về lãi suất chậm thanh toán: Theo quy định Điều 306 Luật Thương mại, Công ty NT phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng là 15,2%. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty PD chỉ đề nghị tính lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm; các đương sự không có ý kiến gì về việc xác định lãi suất chậm thanh toán này nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Công ty PD và xác định lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm. Theo đó, số tiền lãi chậm thanh toán, Công ty NT phải trả cho Công ty PD là $3.456.506.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ năm} \times 10\%/\text{năm} = 345.650.600 \text{ đồng}$. Tổng

số tiền Công ty NT phải thanh toán cho Công ty PD là $345.650.600 + 3.456.506.000 = 3.802.156.600$ đồng.

[5] Đối với lãi xuất chậm thi hành được tính theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn cung cấp thêm một số tài liệu, chứng cứ mới là căn cứ để xem xét sửa bản án sơ thẩm. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và sửa Bản án sơ thẩm về việc tính lãi chậm thanh toán, xác định lại thời điểm chậm thanh toán.

- Về án phí kinh doanh thương mại: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận, vì vậy Công ty NT phải chịu số tiền **108.043.132 đồng** án phí dân sự sơ thẩm. Công ty PD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, số tiền không được chấp nhận là $4.998.684.600$ đồng - $3.802.156.600$ đồng = $1.196.528.000$ đồng nên số tiền án phí phải chịu là $47.895.840$ đồng.

[8] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b, g khoản 1 Điều 40, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 385, 513, 542, 549 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 112, 113, 138, 139, 140, 144, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 303, 306 Luật Thương mại năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT, sửa Bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại PD:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại PD tổng số tiền là 3.802.156.600 (*Ba tỷ, tám trăm linh hai triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm*) đồng (trong đó: tiền gốc là 3.456.506.000 đồng, tiền lãi là 345.650.600 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT phải chịu số tiền 108.043.132 (*Một trăm linh tám triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm ba mươi hai*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại PD phải chịu số tiền 47.895.840 (*Bốn mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.800.850 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006652 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận NQ, thành phố Hải Phòng. Trả lại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại PD số tiền 2.905.010 đồng

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, trả lại Công ty số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007095 ngày 30/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận NQ, thành phố Hải Phòng nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận NQ;
- TAND quận NQ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

